

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, ông Lê Văn Cư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 472/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1981.

ĐKKHKT: Số 44 HT, khu 2, phường P, thành phố H1, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú: C12 A.10, tòa nhà C chung cư B, phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Trần Đức V**, sinh năm 1975.

Cư trú: Số 44 HT, khu 2, phường P, thành phố H1, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh V vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Phạm Thị H, thể hiện:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị và anh Trần Đức V được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H1, tỉnh Hải Dương ngày 07/3/2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến nay chị xác định quan hệ tình cảm vợ chồng với anh V không còn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng nhau. Do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V; Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần

Khánh T, sinh ngày 29/3/2007, cháu Trần Thị Khánh T1, sinh ngày 06/3/2009. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu T1 còn để anh V nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai; Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh chị không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tại khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị đơn anh Trần Đức V, thể hiện: Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Anh và chị H được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND phường P, thành phố H1, tỉnh Hải Dương 07/3/2005. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc với nhau khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh đồng ý; Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Khánh T, sinh ngày 29/3/2007, cháu Trần Thị Khánh T1, sinh ngày 06/3/2009. Anh xin nuôi cháu T còn để chị H nuôi cháu T1, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai; Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh chị không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Khánh T thể hiện cháu mong muốn được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Thị Khánh T1 thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân của chị với anh Trần Đức V. Anh V hiện cư trú tại thành phố H1, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H, anh V đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh V là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị H và anh Trần Đức V được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H1, tỉnh Hải Dương 07/3/2005. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị H, anh V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự tin tưởng

nhau trong cuộc sống. Chị H, anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn, anh V đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị H, anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Trần Đức V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Khánh T, sinh ngày 29/3/2007, cháu Trần Thị Khánh T1, sinh ngày 06/3/2009. Chị H, anh V đã thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Cháu T có nguyện vọng ở cùng anh V, cháu T1 có nguyện vọng ở cùng chị H khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao cháu Trần Thị Khánh T1 cho chị H, giao cháu Trần Khánh T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung, công sức*: Chị H, anh V đều xác định vợ chồng không có nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

- *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Đức V.

- *Về con chung*: Xử giao cháu Trần Khánh T, sinh ngày 29/3/2007 cho anh Trần Đức V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị Khánh T1, sinh ngày 06/3/2009 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002497 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Phạm Thị H và anh Trần Đức V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan